

QTP - MUA

THÔNG TIN CỔ PHIẾU
(ngày 21/12/2021)

Sàn giao dịch	UPCOM
Thị giá (đồng)	17.900
KLGD TB 10 ngày	1,667,861
Vốn hoá (tỷ đồng)	8.100
Số lượng CPLH (triệu CP)	450
Giá mục tiêu	24.700
Upside	+38,4%

CHUYÊN VIÊN PHÂN TÍCH

Trịnh Văn Hà
tvha@vcbs.com.vn
+84-2838200796 ext 643

Hệ thống báo cáo phân tích của VCBS

www.vcbs.com.vn/vn/Services/AnalysisResearch

VCBS Bloomberg Page: <VCBS><go>

QTP – TĂNG CƯỜNG HUY ĐỘNG ĐIỆN THAN MIỀN BẮC

CÁC ĐIỂM NHẤN CHÍNH

1. Nguồn điện khu vực phía Bắc phát triển chậm khiến tăng khả năng thiếu điện từ 2023 trở đi trong một số thời gian cao điểm.
2. Miền Bắc thiếu hụt nước để duy trì cho mùa khô năm 2022 giúp cho các công ty nhiệt điện khu vực phía Bắc sẽ được huy động cao trong nửa đầu năm 2022.
3. Tăng khả năng El Nino quay lại giúp tăng cường huy động điện than.
4. Tình hình tài chính cải thiện khi sắp trả hết nợ vay và KQKD cải thiện khi giảm khấu hao.
5. Tăng dần trả cổ tức do hết lỗ lũy kế và dòng tiền HDKD tốt, Lợi nhuận cải thiện khi hết khấu hao từ năm 2026 – 2027.
6. Ít bị ảnh hưởng bởi diễn biến tăng mạnh trên thế giới của giá than do sử dụng hầu hết than nội địa và ký trước hợp đồng cung ứng.
7. Giá bán điện cố định sẽ giảm sau khi hết khấu hao do giảm chi phí cố định.

ĐÁNH GIÁ

Chúng tôi đánh giá QTP đã có nhiều cải thiện sau khi phân bổ hết phần lỗ tỷ giá trong thời gian xây dựng và hết lỗ lũy kế. Dòng tiền tự do tốt và cải thiện lợi nhuận do giảm khấu hao giúp công ty tăng trả cổ tức trong tương lai một cách đều đặn. Nhà máy còn thời gian hoạt động dài (ước gần 20 năm) giúp hiệu năng hoạt động cao mà ít phải bảo trì, sửa chữa lớn.

Chúng tôi ước tính doanh thu năm 2021 đạt 8.215 tỷ đồng (-10,5% yoy) và LNST đạt 585 tỷ đồng (-49% yoy), EPS forward đạt 1.300 đồng/cổ phiếu. Cho năm 2022, chúng tôi ước tính doanh thu đạt 8.939 tỷ đồng (+8,8% yoy) và LNST đạt 690 tỷ đồng (+18% yoy).

Chúng tôi tiếp tục đưa ra khuyến nghị **MUA** dành cho QTP và nâng giá mục tiêu 1 năm tới đạt **24.700 đồng/cổ phiếu** – upside 38,4% so với giá đóng cửa ngày 21.12.2021.

Chỉ tiêu tài chính	2019	2020	2021F	2022F
DTT (tỷ đồng)	10,127	9,182	8,215	8,939
+/- yoy (%)	12.3%	-9.3%	-10.5%	8.8%
LNST (tỷ đồng)	651	1,156	585	690
+/- yoy (%)		78%	-49%	18%
Nợ/TTS (%)	51%	36%	21%	16%
TS LN góp (%)	12.6%	20.0%	9.8%	9.6%
ROA (%)	6%	12%	6%	8%
ROE (%)	14%	24%	10%	11%
Tỷ suất cổ tức	0%	17%	9%	9%
EPS (đồng)	1,447	2,901	1,300	1,533
P/E	5.53	5.51473	13.54	10.44
BVPS (đồng)	10,878	13,530	13,765	14,022

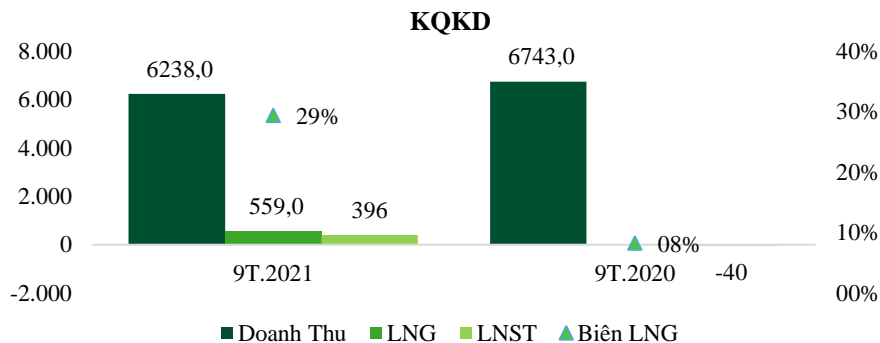
KẾT QUẢ KINH DOANH

KQKD 9T.2021

Doanh thu 9T.2021 đạt 6.238 tỷ đồng (-7,5% yoy, đạt 75% kế hoạch năm), sản lượng điện đạt 4.883 triệu kWh. BLNG đạt 29,4% so với cùng kỳ chỉ đạt 8,3% chủ yếu do giá điện thị trường cao hơn và giảm chi phí khấu hao từ Q4.2020.

Doanh thu hoạt động tài chính tăng hơn gấp 2 lần cùng kỳ chủ yếu do lãi tiền gửi. Chi phí tài chính giảm mạnh (-40% yoy) chủ yếu do giảm CP lãi vay. Các chi phí khác biến động không nhiều.

LNST đạt 396 tỷ đồng (cùng kỳ lỗ 40 tỷ đồng, vượt 24,6% kế hoạch năm).



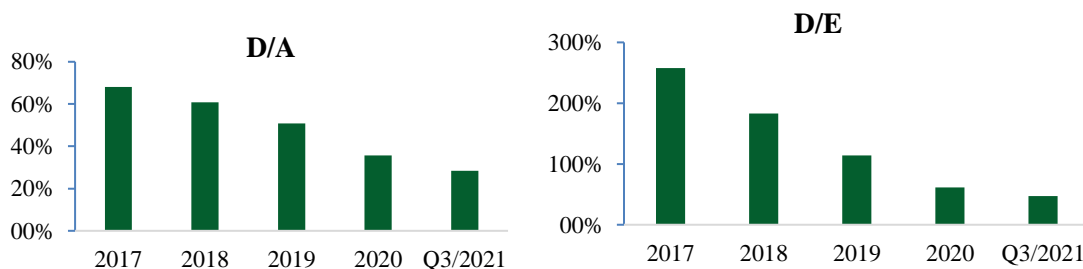
Nguồn: QTP, VCBS tổng hợp

PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH

Nợ vay liên tục giảm mạnh giúp chi phí tiết kiệm chi phí tài chính, cải thiện hoạt động kinh doanh.

Nợ vay tại thời điểm cuối Q3.2021 chỉ còn 2.764 tỷ đồng, tương ứng với 28% của Tổng nguồn vốn. Và hệ số D/E chỉ còn 0,47 lần. Hoạt động kinh doanh khá đơn giản: đầu tư nhà máy một lần và chạy trong khoảng 25 – 30 năm. Khoảng 02 năm sẽ tiêu tu một lần, 03 năm trung tu và khoảng 05 năm sẽ đại tu máy một lần khiến cho nhu cầu CAPEX hàng năm sau khi nhà máy đi vào hoạt động thấp tương đối.

Như vậy, hoạt động kinh doanh chính là phát điện sẽ đem dòng tiền về chủ yếu là để trả nợ và chia cho các cổ đông, ít có nhu cầu sử dụng vốn lưu động hay đầu tư xây dựng tiếp.

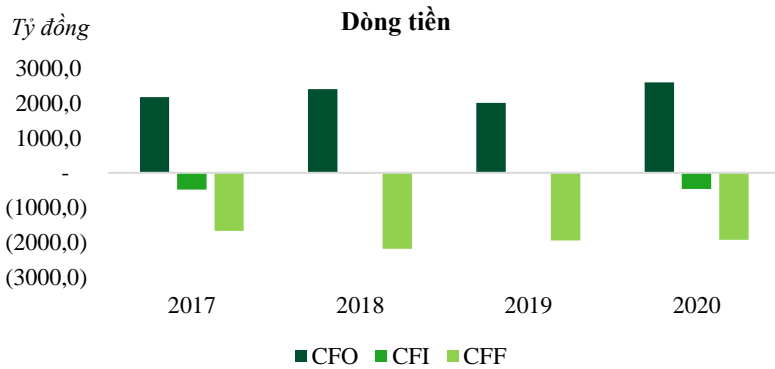


Nguồn: QTP, VCBS tổng hợp

Dự kiến đến năm 2022 – 2023, theo ước tính của chúng tôi, QTP sẽ có khả năng trả hết nợ vay (hàng năm trả nợ gốc khoảng 1.800 – 1.900 tỷ đồng)

Dòng tiền hoạt động kinh doanh đều đặn.

Dòng tiền hoạt động kinh doanh đem về đều đặn khoảng hơn 2.000 tỷ đồng/năm đảm bảo khả năng trả nợ gốc, lãi hàng năm. Sau năm 2023, khi nợ vay đã hết thì có thể tiết kiệm được khoảng hơn 200 tỷ đồng tiền lãi vay/năm so với hiện tại giúp tăng LNST cũng như khả năng trả cổ tức hàng năm. Chúng tôi đánh giá dòng tiền FCFE của công ty sẽ cải thiện rất mạnh từ năm 2023 trở đi.



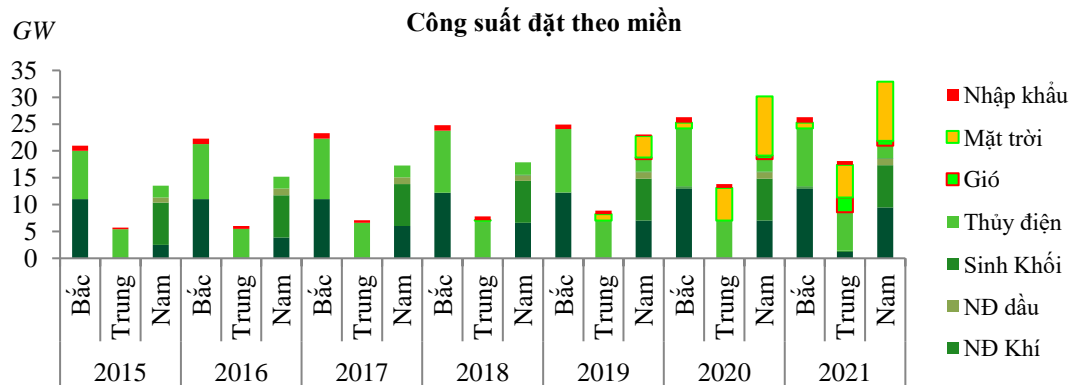
Nguồn: QTP, VCBS tổng hợp

TRIỂN VỌNG DOANH NGHIỆP

Nguồn điện khu vực phía Bắc tăng trưởng thấp

Công suất đặt ở miền Bắc tăng trưởng rất chậm trong giai đoạn 2015 với CAGR đạt 3,8% do phát triển nhanh các dự án điện than từ 2014 trở về trước. Hiện tại công suất vẫn đủ đáp ứng cho phụ tải điện nhưng nếu không phát triển thêm các dự án mới sẽ xảy ra hiện tượng thiếu điện cục bộ từ 2022 trở đi.

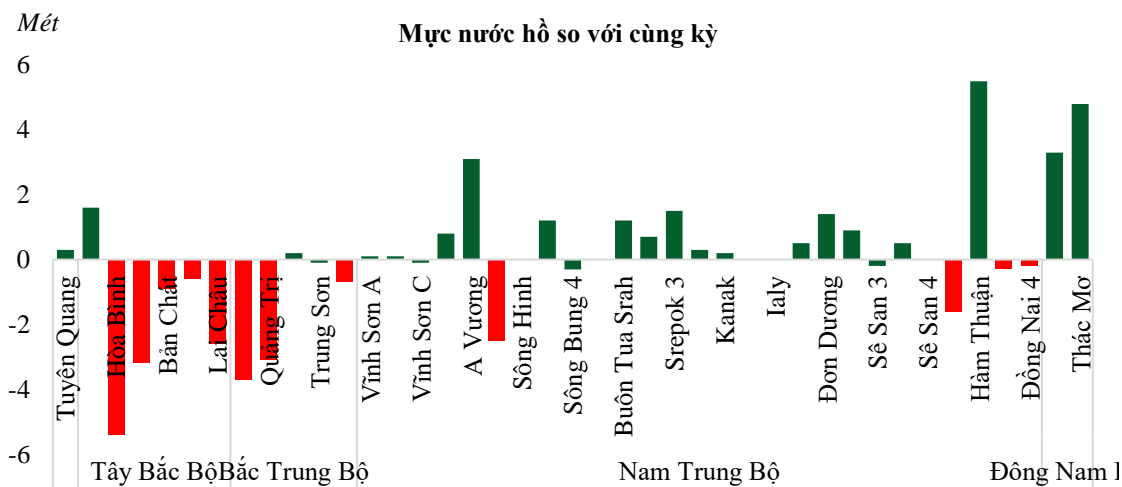
Trong giai đoạn cao điểm mùa khô ở KV phía Bắc T6.2021, công suất đỉnh mới của miền Bắc là 18.700 MW trong khi đó công suất đặt chỉ đạt khoảng 25.000 MW. Trong đó, thủy điện chiếm tới hơn 50%, nếu thiếu hụt nước và hoạt động với công suất thấp khoảng 30% – 35% thì công suất của thủy điện sẽ đạt thấp khiến cho phải tăng cường huy động điện than và truyền tải điện từ miền Trung ra.



Nguồn: EVN, VCBS ước tính

Miền Bắc thiếu hụt nước lớn trong mùa khô năm 2022 sẽ giúp tăng huy động từ các nhà máy điện than

Theo EVN, tới tháng 11, lượng nước tích trữ tại các thủy điện Sơn La, Hòa Bình chỉ đạt khoảng 67% dung tích hữu ích, thiếu hụt khoảng 4,19 tỷ m³. Hồ Hòa Bình thiếu hụt so với mực nước dâng bình thường khoảng 10,38m. Khu vực miền Bắc nói chung đang thiếu hụt 20 – 30% so với trung bình nhiều năm. Mực nước các hồ lớn ngoài mục đích phát điện còn phải phục vụ cho hoạt động tưới tiêu trong mùa khô năm sau nên ngay từ Q4.2021 đã phải tăng cường tích nước để đủ phục vụ cho vụ Đông – Xuân. Chính vì vậy, nhiệt điện sẽ được tăng cường huy động từ Q4 đến hết mùa khô năm 2022.

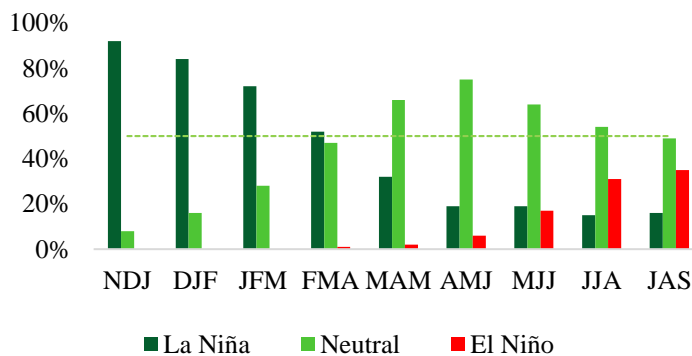


Nguồn: VCBS tổng hợp

Xác suất El Nino quay lại tăng lên

Hiện tại vẫn đang xảy ra La Nina và khu vực Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ đang được hưởng lợi với lượng mưa cao hơn trung bình nhiều năm 20 – 30% và chứng kiến lượng nước tích trữ tại các hồ lớn như Hàm Thuận, Thác Mơ, Trị An cao hơn cùng kỳ 4 – 6m. Các hồ tại Tây Nguyên cũng được hưởng lợi từ xu hướng này. Tuy nhiên, thời tiết sẽ về pha trung tính và xác suất El Nino sẽ quay trở lại tăng lên gần 30% từ tháng 8.2022 trở đi.

Xác suất El nino, La Nina

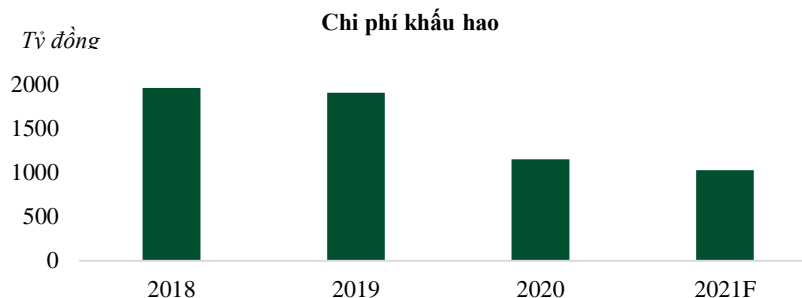


Nguồn: IRI, VCBS tổng hợp

Giãn thời gian khấu hao giúp tăng lợi nhuận trong thời gian tới

Kể từ năm 2020, QTP đã thay đổi chính sách khấu hao đối với lò hơi, turbine thuộc nhà máy nhiệt điện Quảng Ninh 1 và 2 từ 10 năm lên 15 năm. Qua đó giảm hơn 740 tỷ đồng khấu hao/năm, làm cho lợi nhuận tăng một khoản tương ứng. Thời gian khấu hao nhà máy sẽ kéo dài tới 2025 – 2026.

Cụ thể, trong 6T.2021, mặc dù doanh thu giảm mạnh -14,6% so với cùng kỳ nhưng LNG của QTP vẫn tăng trưởng mạnh với 438 tỷ đồng (+94,3% yoy).



Nguồn: QTP, VCBS dự phóng

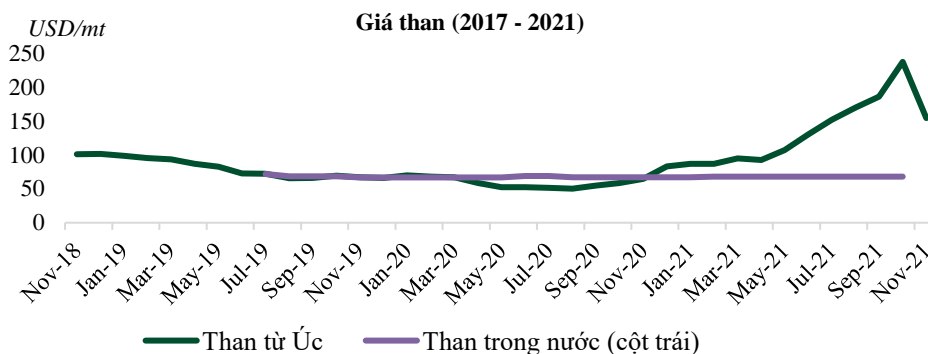
Dự kiến sẽ trả hết nợ vay từ năm 2023

Dự kiến trong vòng 2 năm tới sẽ trả hết nợ vay giúp tiết kiệm chi phí lãi vay và không chịu áp lực lỗ tỷ giá nếu đồng VND sụt giảm so với các loại ngoại tệ QTP đang vay. Hiện tại, cuối Q2.2021 dư nợ của QTP đang có tổng giá trị 2,785 tỷ đồng, tiến tới sẽ trả hết nợ vào cuối năm 2022. Theo đó tiết giảm chi phí lãi vay lên tới khoảng 365 tỷ so với năm 2020 và 180 tỷ đồng năm 2021 giúp tăng LNST thêm khoảng tương ứng sau khi trừ thuế. Dòng tiền hoạt động kinh doanh hơn 2.000 tỷ đồng/năm dự kiến sẽ là khoản dư ra hàng năm làm nguồn khá lớn cho việc trả cổ tức.

Năm 2020, QTP đã bắt đầu trả cổ tức với tỷ lệ 2% và năm nay lên tới 10%, khởi đầu cho các năm trả cổ tức đều đặn về sau. Chúng tôi ước tính, công ty có thể trả cổ tức tối thiểu 15%/năm từ năm 2023 trở đi khi không còn phải trả nợ vay.

Giá than trên thế giới tăng mạnh ít ảnh hưởng tới giá đầu vào

Giá than Australia đã đạt mức cao lịch sử với 236 USD/tấn vào tháng 9.2021 tức tăng gấp hơn 3 lần so với đầu năm do nhu cầu tăng mạnh của Trung Quốc và các nước Châu Âu khi kinh tế hồi phục và tồn kho khí rất thấp kết hợp với sản lượng gió thấp khiến cho thiếu hụt điện phải tăng sử dụng nhiệt điện than. Giá than cuối tháng 11 đã hạ nhiệt về mức 154 USD/tấn khi nguồn cung tăng trở lại.



Nguồn: tradingeconomics

Tuy nhiên, đối với QTP, do đã ký hợp đồng bao tiêu với TKV và Tổng công ty Đông Bắc. Giá than ổn định quanh mức 1,5 triệu đồng/tấn do dùng nhiều than nội địa, chi phí sản xuất không tăng nhiều khiến giá thành không tăng.

Ngoài ra, Chi phí NVL chính nếu có tăng cũng chuyển hết qua giá bán thông qua cơ chế giá theo hợp đồng. Giá NVL tăng sẽ ảnh hưởng chủ yếu đến mức cạnh tranh giá trên thị trường bán điện cạnh tranh.

Theo ước tính của chúng tôi, giá than có thể tăng 10% - 15% trong năm 2022 khi nguồn hàng than trồn tồn kho cũ giá thấp đã hết và phải nhập với giá cao hơn. Tuy nhiên, giá than tăng cũng ít ảnh hưởng bởi giá bán điện trên thị trường điện cạnh tranh dự kiến năm sau cũng tăng mức tương ứng khi sản lượng thủy điện thấp và huy động các nguồn điện khí, than tăng.

ĐỊNH GIÁ

Chúng tôi sử dụng phương pháp DCF và so sánh EV/EBITDA để định giá đối với QTP do công ty có dòng tiền hoạt động kinh doanh ổn định, đơn giản, đòn bẩy hoạt động cao khiến cho LNST không ổn định. Các chi phí khấu hao, quản lý khá ổn định, bán điện duy nhất cho A0, chất lượng lợi nhuận tốt khiến cho EV/EBITDA sẽ phù hợp hơn các phương pháp so sánh khác.

Phương pháp so sánh

Chúng tôi tiến hành so sánh với các công ty nhiệt điện trong ngành với dữ liệu như sau:

Mã CK	Sàn	P/E (TTM)	P/B (TTM)	EV/EBITDA
PGV	UPCOM	10,95	1,98	9,05
GE2	UPCOM	23,65	3,00	9,46
POW	HOSE	11,53	0,91	5,72
HND	UPCOM	10,29	1,53	4,34
PPC	HOSE	8,87	1,54	12,66
NCP	UPCOM	-2,97	5,25	6,87
NBP	HNX	13,67	0,69	4,61
NT2	HOSE	17,96	1,46	5,70
Trung bình		11,74	2,05	7,30
Trung vị		11,24	1,53	6,30
QTP	UPCOM	7,01	1,25	4,92

Chúng tôi lựa chọn trung vị ngành cho EV/EBITDA là 6,3 lần để định giá đối với QTP.

Giá hợp lý của QTP năm 2022 như sau:

Giá trị doanh nghiệp = 6,3 x 1.917 = 12.077 tỷ đồng

Giá trị vốn chủ sở hữu = 12.077 – 657,0 = 12.094 tỷ đồng.

Giá trị hợp lý của cổ phiếu = 26.876 đồng/cổ phiếu.

Phương pháp DCF

Các giả định:

- Thời gian hoạt động đến 2040 và giá trị thanh lý bằng 0 do nhiệt điện vẫn là nguồn quan trọng chạy nền và ổn định tần số.
- Công ty sẽ trả hết nợ vào năm 2023 và giá cố định trong hợp đồng PPA sẽ giảm 20% từ năm 2024 do giảm hệ số profile và tiếp tục giảm thêm 67% từ năm 2027 do hết khấu hao nhà máy.
- Hệ số Alpha Qc hàng năm là 80%.
- Hàng năm công ty sẽ phân bổ khoảng hơn 100 tỷ cho việc bảo trì nhà máy, sau 5 năm sẽ hạch toán đại tu nhà máy một lần khoảng 500 tỷ đồng.
- Giá than bình quân khoảng 80 – 85 USD/tấn do sử dụng chủ yếu than trong nước nên giá ổn định hơn.
- Giá dầu khoảng 55 – 60 USD/bbl. Đây là nhiên liệu phụ nên cũng không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động doanh nghiệp.
- Sản lượng trung bình sẽ giảm 1%/năm cho tới 2034, từ 2035 trở đi giảm 10%/năm do nhà máy đã cũ, hiệu quả hoạt động giảm sút.

- Tỷ lệ điện tự dùng khoảng 8% – 9%.
- WACC đạt 11,16%.

Định giá cụ thể theo phương pháp DCF như sau:

FCFF	2021F	2022F	2023F	2024F	2025F
Doanh thu	8.215	8.939	9.547	9.211	9.175
EBITDA:	1.873	1.917	2.054	2.139	2.162
LN hoạt động KD	726	767	890	972	991
Trừ: Thuế	(31)	(36)	(44)	(100)	(107)
Cộng: Khấu hao	1.147	1.150	1.164	1.167	1.171
Trừ: Vốn lưu động	584	(146)	(129)	61	6
Trừ: Đầu tư	(112)	(479)	(130)	(125)	(217)
FCFF	2.315	1.255	1.752	1.975	1.844
Giá trị hiện tại của FCFF	2.255	1.101	1.381	1.406	1.185
Giá trị hiện tại của FCFF sau 2025					3.533
Điều chỉnh					(657)
Giá trị hợp lý của vốn					10.202
Số lượng cổ phiếu (triệu)					450
Giá trị hợp lý					22,672

Tổng hợp định giá

Tổng hợp định giá như sau:

Định giá	Giá (Đồng)	Tỷ trọng
FCFF	22.672	50%
EV/EBITDA	26.876	50%
Giá hợp lý	24.774	

ĐÁNH GIÁ

Chúng tôi đánh giá QTP là một cổ phiếu ổn định trong tương lai. Với hoạt động đem lại dòng tiền đều đặn kết hợp với việc giảm khấu hao, hết phần phân bổ lỗ chênh lệch tỷ giá trong thời gian xây dựng, chuẩn bị hệ nợ và hết khấu hao sẽ giúp QTP có nhiều nguồn để trả cổ tức dựa trên dòng tiền lớn và ổn định của mình. Tỷ lệ cổ tức trong tương lai có thể lên tới 15% - 20%/mệnh giá giúp cho QTP đạt được mức lợi tức khá cao (10 – 15%/năm).

Chúng tôi đánh giá đây là cổ phiếu có thể nắm giữ theo chiến lược đầu tư phòng thủ và dài hạn.

Vì vậy, chúng tôi khuyến nghị **MUA** đối với cổ phiếu QTP với giá mục tiêu đạt 24.700 đồng/cổ phiếu (+38,4% so với giá đóng cửa ngày 21/12/2021).

RỦI RO ĐẦU TƯ

Rủi ro thời tiết. Diễn biến thời tiết khó lường sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới tỷ lệ huy động nhiệt điện than và giảm lợi thế trên thị trường điện cạnh tranh so với thủy điện.

Đàm phán lại giá hợp đồng mới sau khi hết thời gian khấu hao. Sau khi hết thời gian khấu hao nhà máy, công ty sẽ phải đàm phán lại thành phần giá bán cố định, nếu giảm nhiều hơn ước tính của chúng tôi thì có thể ảnh hưởng tới tỷ suất sinh lời của QTP lần dòng tiền hàng năm.

Đơn vị: tỷ đồng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ đồng)	2021F	2022F	2023F	2024F	2025F
Tiền và các khoản tương đương tiền	710	852	1910	3240	4399
Các khoản đầu tư ngắn hạn	502	502	502	502	502
Các khoản phải thu	1755	1910	2040	1968	1961
Hàng tồn kho	450	490	523	505	503
Tài sản ngắn hạn khác	82	89	95	92	92
Tài sản ngắn hạn	3499	3843	5071	6307	7455
Tài sản cố định	5131	4460	3426	2384	1430
Các khoản đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	72	72	72	72	72
Tài sản dài hạn	5203	4532	3498	2456	1502
TỔNG TÀI SẢN	8702	8375	8569	8763	8957
Các khoản phải trả	487	531	563	536	532
Vay nợ ngắn hạn	1336	1336	1336	1336	1336
Nợ ngắn hạn khác	123	134	143	138	138
Nợ ngắn hạn	1975	2065	2147	2160	2204
Vay nợ dài hạn	532	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn	532	0	0	0	0
NỢ PHẢI TRẢ	2508	2065	2147	2160	2204
Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần	4500	4500	4500	4500	4500
Lợi nhuận chưa phân phối	1363	1375	1363	1409	1414
Cổ phiếu quỹ	231	231	231	231	231
Vốn khác	100	204	328	463	608
VỐN CHỦ SỞ HỮU	6194	6310	6422	6603	6753
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
TỔNG NGUỒN VỐN	2508	2065	2147	2160	2204

BÁO CÁO KQKD (tỷ đồng)	2021F	2022F	2023F	2024F	2025F
Doanh thu	8.215	8.939	9.547	9.211	9.175
GVHB	-7.406	-8.082	-8.562	-8.148	-8.092
Lợi nhuận gộp	809	856	986	1.064	1.083
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	-82	-89	-95	-92	-92
EBIT	726	767	890	972	991
Doanh thu tài chính	86	71	75	123	173
Chi phí tài chính	-197	-112	-94	-94	-94
Lợi nhuận khác	0	0	0	0	0
LN liên kết liên doanh	0	0	0	0	0
LNTT	616	726	872	1.001	1.071
Chi phí thuế TNDN	-31	-36	-44	-100	-107
LNST	585	690	829	901	964
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
LNST cổ đông công ty mẹ	585	690	829	901	964
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	1.300	1.533	1.841	2.002	2.141

BẢNG LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ đồng)	2021F	2022F	2023F	2024F	2025F
Lưu chuyển tiền tệ từ HĐKD	2265	1642	1788	2007	1967
Lưu chuyển tiền tệ từ HĐĐT	-61	-428	-55	-2	-44
Lưu chuyển tiền tệ từ HĐTC	(2331)	(1072)	(675)	(675)	(765)
Lưu chuyển tiền tệ thuần trong kỳ	(127)	142	1059	1329	1159
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	836	710	852	1910	3240
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	710	852	1910	3240	4399
ROE	10%	11%	13%	14%	14%
ROA	6%	8%	10%	10%	11%

Nguồn: VCBS ước tính

ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG

Báo cáo này và/hoặc bất kỳ nhận định, thông tin nào trong báo cáo này không phải là các lời chào mua hay bán bất kỳ một sản phẩm tài chính, chứng khoán nào được phân tích trong báo cáo và cũng không là sản phẩm tư vấn đầu tư hay ý kiến tư vấn đầu tư nào của VCBS hay các đơn vị/thành viên liên quan đến VCBS. Do đó, nhà đầu tư chỉ nên coi báo cáo này là một nguồn tham khảo. VCBS không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trước những kết quả ngoài ý muốn khi quý khách sử dụng các thông tin trên để kinh doanh chứng khoán.

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo phân tích đều đã được thu thập, đánh giá với mức cẩn trọng tối đa có thể. Tuy nhiên, do các nguyên nhân chủ quan và khách quan từ các nguồn thông tin công bố, VCBS không đảm bảo về tính xác thực của các thông tin được đề cập trong báo cáo phân tích cũng như không có nghĩa vụ phải cập nhật những thông tin trong báo cáo sau thời điểm báo cáo này được phát hành.

Báo cáo này thuộc bản quyền của VCBS. Mọi hành động sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung báo cáo và/hoặc xuất bản mà không có sự cho phép bằng văn bản của VCBS đều bị nghiêm cấm.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Mọi thông tin liên quan đến báo cáo trên, xin quý khách vui lòng liên hệ:

Trần Minh Hoàng

Trưởng phòng Phân tích Nghiên cứu

tmhoang@vcbs.com.vn

Lý Hoàng Anh Thi

Phó trưởng phòng Phân tích Nghiên cứu

lhathi@vcbs.com.vn

Trịnh Văn Hà

Chuyên viên Phân tích

tvha@vcbs.com.vn

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VIETCOMBANK

<http://www.vcbs.com.vn>

Trụ sở chính Hà Nội	Tầng 12 & 17, Tòa nhà Vietcombank, số 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội ĐT: (84-24) -393675- Số máy lẻ: 18/19/20
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Lầu 1& 7, Tòa nhà Green Star, số 70 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh ĐT: (84-28)-38200799 - Số máy lẻ: 104/106
Chi nhánh Đà Nẵng	Tầng 12, số 135 Nguyễn Văn Linh, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Đà Nẵng ĐT: (84-236) -33888991 - Số máy lẻ: 12/13
Chi nhánh Cần Thơ	Tầng 1, Tòa nhà Vietcombank Cần Thơ, số 7 Hòa Bình, Quận Ninh Kiều, Cần Thơ ĐT: (84-710) -3750888
Phòng Giao dịch Phú Mỹ Hưng	Toà nhà Lawrence Sting, số 801 Nguyễn Lương Bằng, KĐT Phú Mỹ Hưng, Q. 7, TP. Hồ Chí Minh ĐT: (84-28)-54136573
Phòng Giao dịch Giảng Võ	Tầng 1, Tòa nhà C4 Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Hà Nội. ĐT: (+84-24) 3726 5551
Văn phòng Đại diện An Giang	Tầng 6, Tòa nhà Nguyễn Huệ, số 9/9 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Xuyên, Long Xuyên, An Giang ĐT: (84-76) -3949841
Văn phòng Đại diện Đồng Nai	F240-F241 Đường Võ Thị Sáu, Khu phố 7, Phường Thống Nhất, TP. Biên Hoà, Đồng Nai ĐT: (84-61)-3918812
Văn phòng đại diện Vũng Tàu	Tầng trệt, số 27 Đường Lê Lợi, TP. Vũng Tàu, Bà Rịa - Vũng Tàu ĐT: (84-64)-3513974/75/76/77/78
Văn phòng đại diện Hải Phòng	Tầng 2, số 11 Hoàng Diệu, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng Tel: (+84-31) 382 1630